TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-PT
Ngày 30 - 08 - 2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vì Thị Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Điệt, ông Hoàng Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang –Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/7/2019 và Ngày 30/8/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLDS-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện MS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2019/QĐ - PT ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trịnh Ngọc L (Trịnh Văn Long). Địa chỉ: Tổ 01, phường Tô Hiệu, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D. Địa chỉ: Tổ 4, phường Tô Hiệu, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Ông L, bà D có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Bùi Thị H và ông Bùi

Công L. Địa chỉ: Xóm 1, tiểu khu 8, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Công L và bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Xóm 1, tiểu khu 8, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

Bà Nguyễn Thị D. Địa chỉ: Tổ 4, phường Tô Hiệu, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Có mặt

Ông Trịnh Văn Đ. Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Hồng P. Địa chỉ: Tổ 01, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trịnh Ngọc L, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và lời khai của nguyên đơn ông Trịnh Văn Long, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Thời điểm năm 1970, bà Nguyễn Thị D là công nhân của xí nghiệp ôtô Sơn La được chuyển về Tiểu khu 8 (trước đây là tiểu khu 3) thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vợ chồng ông bà được xí nghiệp ôtô chia cho 250m^2 đất để ở (sau này gia đình có cơ nới, sử dụng thêm nên diện tích thực tế gia đình đang sử dụng khoảng 600m^2). Phần đất được chia ở giữa các hộ gia đình khác không có lối đi. Vì vậy, khi đi làm gia đình bà D đi qua trước cửa hộ gia đình ông Nguyễn Văn S (đã mất), sau đó ông Sơn bán đất cho ông M. Năm 1975, ông M lại bán cho nhà ông bà HN. Các hộ gia đình này vẫn cho bà đi nhờ. Đến năm 1986, do có mối quan hệ thân tình nên bà H đã gọi vợ chồng bà D đến và thống nhất chừa lại cho gia đình bà D lối đi không mất tiền. Kể từ đó gia đình bà D đi lối đi đó đến nay. Lối đi có diện tích bao nhiêu, có thay đổi như thế nào thì bà D không nhớ.

Đối với phần sử dụng của hộ gia đình bà Nguyễn Thị T có nguồn gốc trước đây cũng của công ty ôtô chia cho hộ gia đình ông H, bà L. Đất liền kề với đất của gia đình bà và có một mặt quay ra đường xóm. Lúc đầu ông H làm nhà

quay mặt ra đường, quay lưng về phía đất gia đình bà D, có lối đi thẳng ra đường, không đi lối đi nhà bà. Đến năm 1986, khi nhà bà HN làm lại nhà và chừa lại đất cho gia đình bà để làm lối đi rộng hơn thì ông Hòa lúc đó cùng làm nhà lại quay hướng nhà lại nhìn thẳng vào nhà bà và quay lưng ra đường nên đi nhờ vào đường nhà bà. Khi ông H bán lại đất cho gia đình bà Nguyễn Thị T thì gia đình bà vẫn cho nhà bà T đi nhờ vì không ảnh hưởng gì.

Khoảng thời gian gia đình bà cư trú sinh sống, khuôn viên đất nhà bà cũng không rào lại để xác định ranh giới đất với các hộ gia đình xung quanh mà chỉ ở như vậy. Sau khi chuyển lên Sơn La, ông Đ và bà D cho con trai là Trịnh Ngọc L sử dụng thửa đất đó, Vợ chồng ông L sau khi được cấp bìa thì cũng chuyển Sơn La để ở. Từ đó, nhà và đất không có ai quản lý, sử dụng, giữ nguyên hiện trạng từ năm 1982 đến nay.

Đến năm 2016, UBND huyện tổ chức đo đạc lại đất đai cho các hộ dân. Qua tìm hiểu và kiểm tra bìa đất thì gia đình bà được biết có tình trạng các hộ dân xung quanh lấn đất của gia đình ông L. Đồng thời, đến cuối năm 2017 khi giải quyết tranh chấp đất với hộ gia đình ông T (cũng là hộ có đất liền kề với đất nhà bà thì gia đình bà D, ông L phát hiện ra trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông L năm 1993 thì đất nhà bà được sử dụng là đường thẳng từ phía nhà bà HN đến nhà bà T. Tuy nhiên khi đo đạc năm 2016 thì đất nhà bà T lại không thẳng với đất nhà bà HN mà có lấn sâu vào đất nhà có chiều sâu khoảng 0,9m và chiều rộng khoảng 12m. Mốc là từ tường nhà bà HN (nay là DN) đo thẳng sang. Gia đình bà đã đặt vấn đề với gia đình bà T yêu cầu trả lại đất đã lấn chiếm đồng thời trả lại phần lối đi mà bà HN đã cho gia đình bà đi trước đây nhưng bà T không đồng ý.

Vì vậy, ông L làm đơn khởi kiện đề nghị nhà bà T phải trả cho ông phần diện tích lấn chiếm theo bìa có chiều dài theo gianh giới đất giữa hai bên là 12m và chiều sâu khoảng 0,9m. Đồng thời trả lại cho ông lối đi bà HN đã cho gia đình bà từ năm 1986.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D tiếp tục đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị hộ gia đình chị Bùi Thị Quế H (con gái bà T) trả lại phần diện tích đất khoảng 12m^2 bà cho rằng đã chiếm của bà tại phần gianh giới tiếp giáp giữa đất nhà ông L, bà D với phần đất sử dụng của nhà bà Bùi Thị Quế H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông

Bùi Công L và bà Bùi Thị H trình bày:

Từ năm 1988, gia đình bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Như H. Hiện cư trú tại Tổ 11, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Hiện trạng đất tại thời điểm đó là đất vuông vắn, có xây 4 cột bê tông và làm tường rào bằng cây dâm bụt với các hộ gia đình liền kề. Trên đất có 1 ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói, vẫn còn nguyên hiện trạng đến bây giờ. Đến năm 1993 thì gia đình bà được cấp bìa đỏ và sử dụng ổn định lâu dài từ đó đến nay, đất không có tranh chấp. Đến khoảng năm 1994, gia đình có phá bờ rào bằng cây dâm bụt để xây bờ rào bằng gạch ba vanh đã được sự thống nhất của ông Đ là chồng bà D. Đến năm 2015, gia đình có cắt đất cho con trai là Bùi Công L để làm nhà. Cùng thời điểm đó, gia đình có bỏ bếp cũ làm bếp mới và công trình vệ sinh nhưng vẫn trong khuôn viên của gia đình, tường rào xây từ năm 1994 vẫn còn. Hiện tại gia đình bà vẫn đang sử dụng đúng với hiện trạng đất mua của ông Hòa, đúng với hiện trạng đất được cấp năm 1993 không có sự thay đổi.

Bà D khởi kiện gia đình bà lấn chiếm đất, bà không đồng ý do đất nhà bà HN đã bán qua nhiều đời chủ, hiện tại nhà DN chuyển đến từ năm 2012 đang ở. Từ năm 1993 đến nay, các hộ mua của nhà bà HN đã sử dụng làm lại nhà, thay đổi lại hiện trạng sử dụng đất nên phần lưng nhà tiếp giáp với nhà bà D, ông L không còn như lúc đầu.

Về phần lối đi chung, khi mua nhà của ông Nguyễn Như H năm 1983 thì lối đi đã hình thành. Ông H không nói về việc bà D cho đi nhờ đất. Đến năm 1993, khi gia đình bà được cấp bìa vẫn thể hiện lối đi và được sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Công L trình bày:

Ông là con trai của bà Nguyễn Thị T. Năm 2015, ông xây nhà nằm trong khuôn viên đất của mẹ ông được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị T, Khi xây dựng gia đình bà D không có ý kiến gì. Diện tích đo đạc được của nhà ông lớn hơn 4m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp do kỹ thuật đo đạc trong khi diện tích nhà ông L đang sử dụng thực tế là 609,5m^2 lớn hơn nhiều so với diện tích đã được cấp.

Ông L dựa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để khởi kiện nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mốc giữa ba nhà (ông Phái, bà T, ông L) đến điểm mốc giữa nhà bà L, bà N là một đường thẳng. Tuy nhiên đến năm

2012 khi làm nhà ông bà DN đã đổi hướng nhà, không làm theo móng tường cũ nên phần đất giáp nhà ông L bà DN chưa làm hết đất. Vì vậy nếu nối như trên từ mốc hiện tại giữa nhà ông Phái, ông L và nhà ông bà vẫn là đường thẳng. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Phượng, ông Trịnh Xuân Đại trình bày:

Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông L, đề nghị trả lại phần đất lấn chiếm và lối đi cho gia đình

Tại bản án số 01/2019/DS – ST ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện MS xét xử quyết định: Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, các Điều 157, 165, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 175, 176, 251, 252, 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc L. Xác định phần đất có diện tích 32,1m^2. Vị trí: Phía Bắc gia đình bà Nguyễn Thị T có chiều dài là 6,44 + 3,30 + 4,82 = 14,56m; Phía Tây Nam giáp gia đình bà DN có chiều dài là 8,25 + 6,88 = 15, 13m; Phía Đông Nam giáp đất ông Trịnh Ngọc L sử dụng và phía Tây bắc giáp đường bê tông xóm đều rộng 2,30m. Là lối đi từ thửa đất số 85, thuộc tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 37 thuộc trích lục mảnh bản đồ F48 (101 – 149 – 6 của thị trấn HL do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La (sở địa chính cũ) thực hiện, đo vẽ từ tháng 11/1995) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 344/1993/QĐ – UB do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 24/6/2993 mang tên ông Trịnh Ngọc L đi ra đường bê tông xóm.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc L về việc buộc bà Nguyễn Thị T trả lại phần diện tích đất lấn chiếm khoảng 11m^2 (chiều rộng 0,9m, chiều dài 12m) tại phần đất giáp danh giữa hai hộ gia đình ông L, bà T và yêu cầu buộc bà T phải tháo dỡ đường ống nhựa thoát nước thải mà gia đình bà T đã làm để dẫn nước thải chảy ra nơi quy định.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/01/2019 nguyên đơn ông Trịnh Ngọc L, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị trả lại diện tích gia đình bà T lấn chiếm và hiện trạng con đường ngõ.

Kiểm sát viên phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án đúng quy định của pháp luật và đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc L, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị D đối với yêu cầu trả lại phần diện tích bị lấn chiếm, Hội đồng xét xử thấy rằng về nguồn gốc đất của hai gia đình ông L và ông H đều được Xí nghiệp ô tô Sơn La giao đất từ những năm 1970, 1973. Đến năm 1986, ông H chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho bà T. Sau khi được giao đất, giữa các bên gia đình phân chia danh giới bằng hàng cây dâm bụt. Đến năm 1993, gia đình ông L và bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 200m^2; gia đình ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 540m^2.

[2] Xét quá trình sử dụng đất của các hộ gia đình: Năm 1996, gia đình bà T phá hàng rào dâm bụt để xây tường gạch làm ranh giới giữa hai gia đình. Hai gia đình sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Đến năm 2016, gia đình ông L phát hiện phần cạnh mảnh đất của gia đình ông giáp với tường nhà bà Nguyễn Thị T, không thẳng với cạnh đất nhà bà HN như sơ đồ hình thể mảnh đất đã vẽ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng và cho rằng gia đình nhà bà T đã lấn chiếm diện tích khoảng 11m^2. Tuy nhiên, gia đình ông L vẫn xây một bức tường làm danh giới giữa hai gia đình.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lại diện tích đất thực tế của hai hộ gia đình đang sử dụng. Hộ gia đình bà T đang sử dụng diện tích đất thực tế là 204m^2, lớn hơn so với diện tích đất được cấp là

4m^2. Hộ gia đình ông L đang sử dụng diện tích đất thực tế là 609,5m^2, lớn hơn so với diện tích đất được cấp là 69,5m^2.

Ngày 15/7/2019, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị D yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ lại đối với diện tích đường ngõ và diện tích gia đình bà T đang sử dụng. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xác định diện tích hộ bà T đang sử dụng diện tích thực tế là 199,7m^2; diện tích đất ngõ được xác định nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L là 34,5m^2. Gia đình bà T có làm đường ống nước bằng nhựa phi 10, chôn sâu dưới đất chạy thẳng từ phần cửa lách ra phía đường ngõ 59, áp sát tường nhà, là đường nước thải của gia đình trên phần đất ngõ này. Trên đất không có hố ga. Xét đường ống nước thải và văng cửa sổ của gia đình bà T nằm trên diện tích đường ngõ của nhà ông L nên cần buộc gia đình bà T phải rỡ bỏ. Gia đình bà T có nghĩa vụ làm đường ống nước thải đúng quy định theo Điều 270 Bộ luật dân sự 2005.

Xét quá trình sử dụng đất của hai hộ gia đình, đã sử dụng ổn định theo vị trí đất đã được cắm mốc và bức tường xây dựng từ năm 1996, không có tranh chấp. Gia đình ông L căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1993 thể hiện ranh giới giữa hộ gia đình xung quanh là một đường thẳng để cho rằng gia đình bà T lấn chiếm. Tờ bản đồ thể hiện thửa đất các hộ gia đình đang tranh chấp được vẽ năm 1993 do bà Nguyễn Thị D cung cấp thể hiện ranh giới giữa các hộ gia đình khác với tờ bản đồ F48 (101 – 149 – 6) được đo vẽ năm 1995 thể hiện ranh giới giữa các hộ không nằm trên một đường thẳng. Tuy nhiên, gia đình bà T hiện đang sử dụng đất đúng với diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, gia đình ông L đang sử dụng đất lớn hơn so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, gia đình nhà bà HN (nay là nhà bà Vũ Thị Minh N) cũng xác nhận khi xây dựng đã xây lùi lại khoảng 20cm so với phần đất của gia đình nên lấy mốc là mép tường nhà bà HN để kéo sang đất của bà T để đòi lại đất cho rằng bị lấn chiếm là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ sự phân tích nêu trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc L, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị D, sửa Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông Trịnh Ngọc L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc L, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị D, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

1. Xác định phần đất ngõ đi có diện tích 34,5m^2, có vị trí: Phía Bắc gia đình bà Nguyễn Thị T có chiều dài là 14,92m + 0,14m + 1,06m; Phía Tây Nam giáp gia đình bà DN có chiều dài là 8,34m + 6,80m; Phía Đông Nam giáp đất ông Trịnh Ngọc L sử dụng có chiều dài 2,25m và phía Tây bắc giáp đường bê tông xóm có chiều dài 2,32m. Là lối đi thuộc thửa đất số 85, thuộc tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 37 thuộc trích lục mảnh bản đồ F48 (101 – 149 – 6 của thị trấn HL do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La (sở địa chính cũ) thực hiện, đo vẽ từ tháng 11/1995) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 344/1993/QĐ – UB do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 24/6/2993 mang tên ông Trịnh Ngọc L.

(Có sơ đồ trích đo địa chính kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc L về việc buộc bà Nguyễn Thị T trả lại phần diện tích đất tranh chấp khoảng 11m^2 (chiều rộng 0,9m, chiều dài 12m) tại phần đất giáp danh giữa hai hộ gia đình ông L, bà T .

3. Buộc bà Nguyễn Thị T phải tháo dỡ đường ống nước thải bằng nhựa phi 10 chôn sâu dưới đất chạy thẳng từ phần cửa lách của gia đình bà Nguyễn Thị T ra phía đường ngõ 59 nằm trên diện tích ngõ đi có diện tích 34,5m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh Ngọc L.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải tháo dỡ phần văng cửa sổ nhà bà T có chiều rộng là 0,9 cm, chiều dài là 85cm trên diện tích ngõ đi có diện tích 34,5m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh Ngọc L.

4. Về án phí: Ông Trịnh Ngọc L không phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0001900 ngày 15/01/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2019).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án"

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vì Thị Sơn